

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Làng Thụy Sĩ tại Công văn số 14/2022/CV-LTS ngày 14 tháng 12 năm 2022 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 426/TTr-STNMT ngày 27 tháng 12 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Làng Thụy Sĩ, địa chỉ tại 44 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở Khu du lịch Làng Thụy Sĩ với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở đầu tư:

1.1. Tên Cơ sở: Khu du lịch Làng Thụy Sĩ.

1.2. Địa điểm hoạt động: 44 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 3400777766 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận chứng nhận lần đầu ngày 21 tháng 05 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 06 tháng 02 năm 2018.

1.4. Mã số thuế: 3400777766.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Lưu trú, du lịch.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở đầu tư:

- Diện tích của dự án: Tổng diện tích khu đất thực hiện khu du lịch là 15.483 m².
- Quy mô: 143 phòng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Làng Thụy Sĩ có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 06 tháng 01 năm 2023 đến ngày 05 tháng 01 năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Phan Thiết tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh - Nguyễn Minh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- UBND thành phố Phan Thiết;
- Phòng TNMT thành phố Phan Thiết;
- Công ty TNHH Làng Thụy Sĩ;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TTTT, KT. Vương.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Minh

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 52 /GPMT-UBND ngày 06 /01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khách và nhân viên trong khu du lịch được thu gom về hầm tự hoại 03 ngăn để xử lý sơ bộ. Sau đó, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý. Lưu lượng khoảng 60,325 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 2: Nước thải từ hoạt động của nhà hàng gồm nhà bếp, chế biến thực phẩm, vệ sinh dụng cụ bếp được thu gom về bể tách mỡ. Sau đó, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý. Lưu lượng khoảng 12,6 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 3: Nước thải từ hoạt động dịch vụ (xông hơi, massage) được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý. Lưu lượng khoảng 2 m³/ngày đêm

- Nguồn số 4: Nước thải từ hoạt động giặt ủi được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý. Lưu lượng khoảng 1,2 m³/ngày đêm.

1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa: Lưu lượng nước thải tối đa của cơ sở là 90 m³/ngày, chế độ xả thải: 8 giờ/ngày đêm, tương đương 11,25 m³/giờ.

1.3. Dòng nước thải:

- Dòng số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khách và nhân viên được xử lý bằng hầm tự hoại 03 ngăn, sau đó nước thải được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra nguồn tiếp nhận là nước biển ven bờ tại khu phố 1, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Dòng số 02: Nước thải từ hoạt động của nhà hàng gồm nhà bếp, chế biến thực phẩm, vệ sinh dụng cụ bếp. Nước thải được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra nguồn tiếp nhận là nước biển ven bờ tại khu phố 1, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Dòng số 03: Nước thải từ hoạt động dịch vụ (xông hơi, massage) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt quy trước khi xả ra nguồn tiếp nhận là nước biển ven bờ tại khu phố 1, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Dòng số 04: Nước thải từ hoạt động giặt ủi được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt quy trước khi xả ra nguồn tiếp nhận là nước biển ven bờ tại khu phố 1, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

| TT | Các chất ô nhiễm | Đơn vị | Giá trị giới hạn QCVN 14:2008/BTNMT cột A, k=1 | Tần suất quan trắc định kỳ | Quan trắc tự động, liên tục |
|----|--|-----------|--|--|-----------------------------|
| 1 | pH | - | 5 - 9 | Không thuộc đối tượng quan trắc theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 | Không có |
| 2 | BOD ₅ | mg/l | 30 | | |
| 3 | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) | mg/l | 50 | | |
| 4 | Tổng chất rắn hoà tan (TDS) | mg/l | 500 | | |
| 5 | Sunfua (tính theo H ₂ S) | mg/l | 1 | | |
| 6 | Amoni (tính theo N) | mg/l | 5 | | |
| 7 | Nitrat NO ₃ ⁻ (tính theo N) | mg/l | 30 | | |
| 8 | Dầu mỡ động, thực vật | mg/l | 10 | | |
| 9 | Tổng các chất hoạt động bề mặt | mg/l | 5 | | |
| 10 | Phosphat PO ₄ ³⁻ (tính theo P) | mg/l | 6 | | |
| 11 | Tổng coliforms | MPN/100ml | 3.000 | | |

1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải:

- Toàn bộ nước thải của cơ sở sau xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT được thải ra vùng nước biển ven bờ tại khu phố 1, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Tọa độ xả thải: X = 1210382; Y = 467023.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải: Nước thải của cơ sở gồm nước thải sinh hoạt, nước thải nhà hàng, nhà bếp, dịch vụ (xông hơi, massage), từ hoạt động giặt ủi, cụ thể như sau:

- Nguồn 1: Nước thải sinh hoạt được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nguồn 2: Nước thải nhà hàng, nhà bếp được thu gom về bể tách mỡ sau đó được thu gom về các hố ga đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nguồn 3: Nước thải từ hoạt động dịch vụ (xông hơi, massage) được thu gom theo các hố ga dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nguồn 4: Nước thải từ hoạt động giặt ủi được thu gom theo các hố ga dẫn về hệ thống xử lý nước tập trung để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: Bể tự hoại 03 ngăn.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ các nhà vệ sinh của các nhà nghỉ, các khu vệ sinh công cộng, khu dịch vụ được thu gom về Bể tự hoại 03 ngăn; Nước thải từ lavabo, nước sàn nhà phòng vệ sinh được thu gom về các hố ga. Nước thải sinh hoạt có lưu lượng khoảng 76,125 m³/ngày đêm sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn và từ các hố ga sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 90 m³/ngày để xử lý đạt quy chuẩn.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: (Nước thải sau bể tự hoại, nước thải từ bể tách mỡ, nước thải từ hoạt động dịch vụ, giặt ủi) → Hố ga → Hố bơm → Cùm bể sơ bộ (KT1) → Bể Thu gom (T01) → Bể Điều hòa (T02) → Bể Anoxic (T03) → Bể MBBR (T04) → Bể MBR (T05) → Bể Khử trùng (T06) → Nước thải sau xử lý (Cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt) → thải ra vùng nước biển ven bờ tại khu phố 1, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Công suất thiết kế: 90 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine, men vi sinh, chế phẩm sinh học.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

- Cung cấp đầy đủ các yếu tố cần thiết cho quá trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải như: Nhân sự, cấp điện, hóa chất khử trùng, thiết bị xử lý,...

- Định kỳ theo dõi chế độ vận hành của máy móc thiết bị, kịp thời bảo trì, sửa chữa và thay thế khi có hỏng hóc. Máy móc luôn có thiết bị dự phòng và đảm bảo trong chế độ sẵn sàng hoạt động.

- Liên tục theo dõi chất lượng nước thải qua các giai đoạn để kịp thời đánh giá hiệu quả của từng giai đoạn xử lý. Từ đó, phát hiện các sự cố có khả năng xảy ra như hóa chất, vi sinh hiếu khí, bùn trong bể lắng,... và khắc phục khi có sự cố.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này.

- Đảm bảo bố trí đủ nhân lực, nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra

(nếu có); lượng hóa chất sử dụng; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 52.../GPMT-UBND ngày 06 /01/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh:

- Nguồn số 01: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng (01 máy phát điện dự phòng có công suất 425KVA).

- Nguồn số 02: Khu vực đặt máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải (rung động của các thiết bị xử lý nước thải như máy bơm, máy thổi khí...).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: X = 1210471; Y = 466983.

- Nguồn số 02: X = 1210474; Y = 466989.

3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn:

| TT | Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn cho phép về tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT (dBA) | | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú |
|----|---|----------|---|----------------------|
| | Từ 6-21h | Từ 21-6h | | |
| 1 | 55 | 45 | Theo kế hoạch của Chủ cơ sở và giám sát khi có sự cố hoặc yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền | Khu vực đặc biệt |
| 2 | 70 | 55 | | Khu vực thông thường |

- Giá trị giới hạn đối với độ rung:

| TT | Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép theo QCVN 27:2010/BTNMT (dB) | | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú |
|----|--|----------|--|------------------|
| | Từ 6-21h | Từ 21-6h | | |
| 1 | 60 | 55 | Theo kế hoạch của Chủ cơ sở và giám sát khi có sự cố | Khu vực đặc biệt |

| | | | | |
|---|----|----|--|----------------------|
| | | | hoặc yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền | Khu vực thông thường |
| 2 | 70 | 60 | | |

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Xung quanh khu vực được trồng cây dừa, hoa sứ, các loại cây cảnh và thảm cỏ vừa tạo cảnh quan cho khu du lịch vừa có tác dụng giảm thiểu tiếng ồn.

- Máy phát điện dự phòng được đặt trong phòng có diện tích 22 m² cách âm, có đệm chống rung.

- Nền móng đặt các thiết bị bơm, thổi khí, máy phát điện được xây dựng bằng bê tông.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của các máy phát điện, máy bơm,... để giảm rung.

- Định kỳ bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, máy phát điện thường xuyên nhằm phát hiện kịp thời các sự cố gây ra ồn, rung lớn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 52.../GPMT-UBND ngày 06 /01/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

| TT | Tên chất thải | Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn) | Số lượng trung bình (kg/năm) | Mã CTNH |
|----------------------|--|--------------------------------------|------------------------------------|------------|
| 1 | Hộp chứa mực in thải | Rắn | 53 | 08 02 04 |
| 2 | Bao bì mềm thải | Rắn | 1,5 | 14 01 05 |
| 3 | Bộ lọc dầu | Rắn | 5,0 | 15 01 02 |
| 4 | Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải | Rắn | 195,0 | 16 01 06 |
| 5 | Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải | Lỏng | 18,0 | 17 02 03 |
| 6 | Son, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại | Rắn/Lỏng | 9,0 | 16 01 09 |
| 7 | Chất hấp thụ, vật liệu lọc (kể cả vật liệu lọc dầu), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại | Rắn | 17,5 | 18 02 01 |
| 8 | Pin, ắc quy thải | Rắn | 13,0 | 16 01 12 |
| Tổng số lượng | | | 312 kg/năm | |

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Không có.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Thành phần: Bao gồm cả chất hữu cơ và vô cơ, trong đó chủ yếu thức ăn thừa, giấy, bao bì, chai nhựa, cắt tỉa cây cảnh, sửa chữa nhà cửa...

- Khối lượng: 330,37 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy (dung tích thùng 120 lít).

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 3,6 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường gạch, nền nhà xi măng, mái bằng tôn,...

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 10 lít, 90 lít, 120 lít, 240 lít và 400 lít.

Chất thải sinh hoạt được phân loại và thu gom lưu chứa tại các thùng chứa, cuối ngày đưa về khu vực tập kết lấy rác và hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận đến thu gom.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải đáp ứng các quy định tại Điều 35 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 52.../GPMT-UBND ngày 06 /01/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không.**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Vận hành thường xuyên công trình xử lý nước thải đảm bảo nước thải đạt QCVN cho phép trước khi thải ra môi trường. Lập nhật ký vận hành đối với hệ thống xử lý nước thải.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy,... theo quy định hiện hành. Đồng thời, tuân thủ các quy định và thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.